

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục
Năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Học sinh lớp 5 các trường tiểu học trong quận 3 đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học theo phân tuyến của Quận có hồ sơ hợp lệ và tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (theo giấy khai sinh hợp lệ). - Học sinh lớp 5 các trường tiểu học ngoài quận 3 đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có hồ sơ hợp lệ, có cha, mẹ đang công tác tại Quận 3 (nếu trường còn chỉ tiêu tuyển sinh).	- Xếp loại hạnh kiểm, học lực năm học trước đạt từ Khá trở lên. - Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận 3 hoặc có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận 3 hoặc cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận 3, xây dựng sự nghiệp giáo dục. - Trường còn khả năng tiếp nhận học sinh.	- Xếp loại hạnh kiểm, học lực năm học trước đạt từ Khá trở lên. - Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận 3 hoặc có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận 3 hoặc cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận 3, xây dựng sự nghiệp giáo dục. - Trường còn khả năng tiếp nhận học sinh.	- Xếp loại hạnh kiểm, học lực năm học trước đạt từ Khá trở lên. - Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận 3 hoặc có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận 3 hoặc cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận 3, xây dựng sự nghiệp giáo dục. - Trường còn khả năng tiếp nhận học sinh.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở	Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở	Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở	Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Gia đình phải quan tâm, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh. - Học sinh phải có ý thức tự giác, học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện đạo đức.	- Gia đình phải quan tâm, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh. - Học sinh phải có ý thức tự giác, học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện đạo đức.	- Gia đình phải quan tâm, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh. - Học sinh phải có ý thức tự giác, học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện đạo đức.	- Gia đình phải quan tâm, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh. - Học sinh phải có ý thức tự giác, học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện đạo đức.

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Có đủ các phòng thực hành, phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học. - Sân chơi đảm bảo cho các hoạt động TDTT, hoạt động ngoài trời. - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống, phổ cập bơi, công tác giáo dục đạo đức cho học sinh.	- Có đủ các phòng thực hành, phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học. - Sân chơi đảm bảo cho các hoạt động TDTT, hoạt động ngoài trời. - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống, phổ cập bơi, công tác giáo dục đạo đức cho học sinh.	- Có đủ các phòng thực hành, phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học. - Sân chơi đảm bảo cho các hoạt động TDTT, hoạt động ngoài trời. - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống, phổ cập bơi, công tác giáo dục đạo đức cho học sinh.	- Có đủ các phòng thực hành, phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học. - Sân chơi đảm bảo cho các hoạt động TDTT, hoạt động ngoài trời. - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống, phổ cập bơi, công tác giáo dục đạo đức cho học sinh.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Hạnh kiểm Khá trở lên là 99%. - Học lực Đạt trở lên là 96%. - Sức khỏe học sinh: 100% phát triển bình thường, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích tại trường.	- Hạnh kiểm Khá trở lên đạt 98%. - Học lực Trung bình trở lên đạt 95%. - Sức khỏe học sinh: 100% phát triển bình thường, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích tại trường.	- Hạnh kiểm Khá trở lên đạt 97%. - Học lực Trung bình trở lên đạt 90%. - 100% được học nghề PT. - Sức khỏe học sinh: 100% phát triển bình thường, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích tại trường.	- Hạnh kiểm Khá trở lên đạt 99%. - Học lực Trung bình trở lên đạt 98%. - Tốt nghiệp THCS đạt 98%. - Sức khỏe học sinh: 100% phát triển bình thường, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích tại trường.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Hoàn tất chương trình lớp 6 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 7 là 96%.	- Hoàn tất chương trình lớp 7 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 8 đạt 96%.	- Hoàn tất chương trình lớp 8 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 8 đạt 92%.	- Hoàn tất chương trình THCS đạt 98 %. - Đủ khả năng học tập tiếp ở các trường Trung học phổ thông và các trường Trung cấp, Cao đẳng nghề.

Quận 3, ngày 28 tháng 5 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Dương Hữu Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
Năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1366	221	374	380	391
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1185 86.7	195 88.2	326 87.2	311 81.8	353 90.3
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	158 11.6	25 11.3	46 12.3	50 13.2	37 9.5
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	21 1.5	1 0.5	2 0.5	17 4.5	1 0.3
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.1	0 0	0 0	2 0.5	0 0
II	Số học sinh chia theo học lực	1366	221	374	380	391
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	483 35.4	73 33	122 32.6	125 32.9	163 41.7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	498 36.5	92 41.6	141 37.7	129 33.9	136 34.8
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	342 25	49 22.2	96 25.7	105 27.6	92 23.5
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	43 3.1	7 3.2	15 4	21 5.5	0 0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1323 96.9	214 96.8	359 96	359 94.5	391 100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	423 31	14 6.3	121 32.4	125 32.9	163 41.7
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	463 33.9	59 26.7	142 38	126 33.2	136 34.8
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	41 3	7 3.2	15 4	19 5	0 0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.1	0 0	0 0	2 0.5	0 0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	10 0.7	0 0	7 1.9	2 0.5	1 0.3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8 0.6	0 0	2 0.5	5 1.3	1 0.3
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	23	0	0	5	18
1	Cấp huyện	10	0	0	2	8
2	Cấp tỉnh/thành phố	13	0	0	3	10
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	391	0	0	0	391
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	391	0	0	0	391
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	163 41.7	0 0	0 0	0 0	163 41.7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	136 34.8	0 0	0 0	0 0	136 34.8
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	92 23.5	0 0	0 0	0 0	92 23.5
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	759/607	131/90	210/164	216/164	202/189
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	54	8	13	18	15

Quận 3, ngày 28 tháng 5 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



[Signature]

Dương Hữu Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
Năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	38	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	38	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	5	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học		1 lớp/phòng
8	Bình quân học sinh/lớp		40,2 hs/lớp
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4372	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3085.6	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1824	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	303.4	
3	Diện tích thư viện (m ²)	48	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	24	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	0	
1.2	Khối lớp 7	2	
1.3	Khối lớp 8	2	
1.4	Khối lớp 9	3	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	3	
2.2	Khối lớp 7	2	
2.3	Khối lớp 8	2	
2.4	Khối lớp 9	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	Số bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4
2	Cát xét	8
3	Đầu Video/đầu đĩa	2
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8
5	Thiết bị khác...	
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	600

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	39	1072	0.9
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0.1

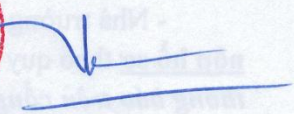
(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 3, ngày 28 tháng 5 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG




Dương Hữu Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2021 – 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		77	77	8	58	5	0	6	9	61					
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	66	66	7	55	4	0	0	11	55					
1	Toán	12	12		10	2			2	10					
2	Lý	4	4		4					4					
3	Hóa	4	4		4					4					
4	Sinh	4	4	1	3					4					
5	Công Nghệ	2	2		2					2					
6	Văn	10	10	3	7					10					
7	Anh Văn	8	8		8					8					
8	Sử	5	5	2	2	1				5					
9	Địa	2	2		2					2					
10	Thể Dục	4	4		4				3	1					
11	Tin học	2	2		2				2						
12	Nhạc	3	3		3				2	1					
13	Mỹ Thuật	2	2	1	1				1	1					
14	GDCD	4	4		3	1			1	3					
II	Cán bộ quản lý	3	3	1	2	0	0	0	0	3					
1	Hiệu trưởng	1	1	1						1					
2	Phó hiệu trưởng	2	2		2					2					

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
III	Nhân viên	7	7	0	1	0	1	5							
1	Nhân viên văn thư	1	1					1							
2	Nhân viên kế toán	1	1		1										
3	Thủ quỹ	0	0												
4	Nhân viên y tế	1	1				1								
5	Nhân viên thư viện	1	1					1							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0												
9	Nhân viên Bảo vệ	2	2					2							
10	Nhân viên Phục vụ	1	1					1							

Quận 3, ngày 28 tháng 5 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Dương Hữu Nghĩa